TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:114/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 5 năm 2019
V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng; Ông Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Huỳnh N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh Phạm Thành D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

(*Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2019, nguyên đơn Trương Huỳnh N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh Phan Thành D chung sống với nhau từ năm 2008; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây vào năm 2008 (*Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 17/7/2008*), hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cải với nhau, bất đồng về quan điểm sống, chị và anh D đã ly thân hơn 06 tháng nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chị N và anh D có 02 người con tên Phan Kim V, sinh ngày 21/5/2009 và Phan Yến D, sinh ngày 14/9/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi các con. Yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung,nợ chung*: Chị N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Tại đơn yêu cầu ngày 11/4/2019, chị xin rút lại yêu cầu về việc cấp dưỡng. Yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị, chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày trong đơn khởi kiện, mong Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Phan Thành D: Tòa án đã tống đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng nhưng anh Phan Thành Đở vẫn vắng mặt tại tòa; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Phan Thành D có nơi trú tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trương Huỳnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Phan Thành D, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chị N là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị N là nguyên đơn, anh D là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt; căn cứ theo khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh D không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh đã ly thân hơn 06 tháng nay; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh D là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Chị N và anh D có 02 người con tên Phan Kim V, sinh ngày 21/5/2009 và Phan Yến D, sinh ngày 14/9/2016. Hiện nay các cháu V và D sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi các con.

Xét, con chung tên Phan Kim V và Phan Yến D. Hiện cháu V và cháu D sống chung với chị, gần gũi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Phan Kim V và Phan Yến D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với ước nguyện của cháu Phan Kim V, theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 11/4/2019; không đặt ra việc cấp dưỡng. Anh D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Chị N xác định tự thỏa thuận; nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Huỳnh N về việc ly hôn với anh Phan Thành D.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Huỳnh N với anh Phan Thành D.

Về con chung: Tiếp tục giao Phan Kim V, sinh ngày 21/5/2009 và Phan Yến D, sinh ngày 14/9/2016 cho N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Thanh D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Anh Phan Thành D phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 28/3/2019 chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002906 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công